

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Đầu tư Xây dựng và Vật liệu Đồng Nai

Ngày 30/09/2025	8,700 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-	-	-

DT thuần Q3/25
15.2
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 8.17 116%

LN thuần Q3/25
-9.93
tỷ VNĐ
QoQ: ▼10.3 -2521%

LN sau thuế Q3/25
-8.97
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 2.43 21.3%

Tỷ suất lãi EBIT Q3/25
-59.0%
YoY: +/-▲ 103%

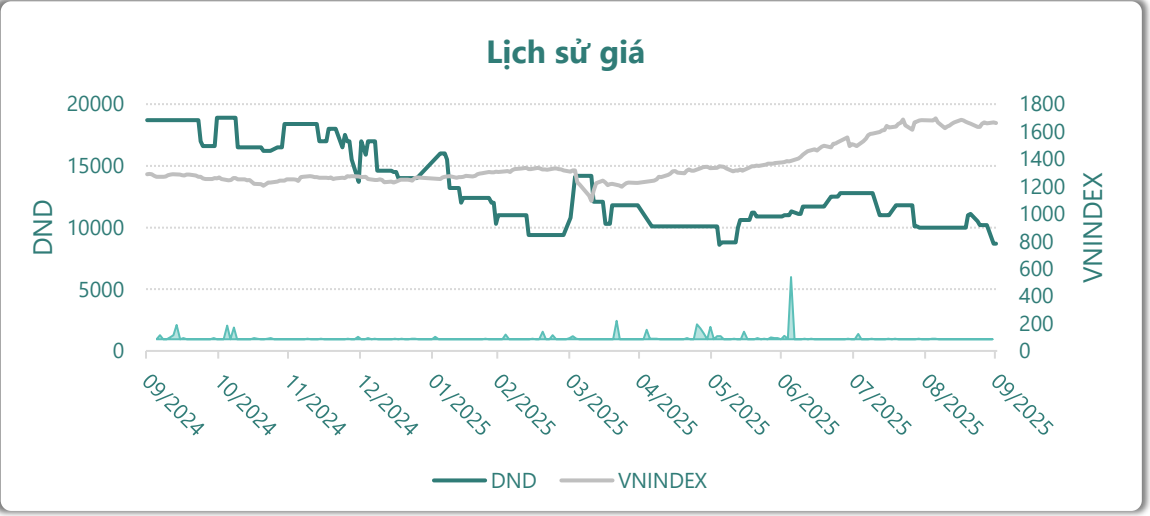
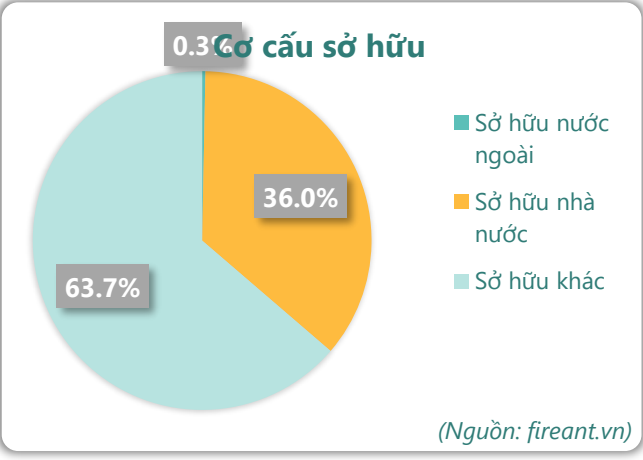
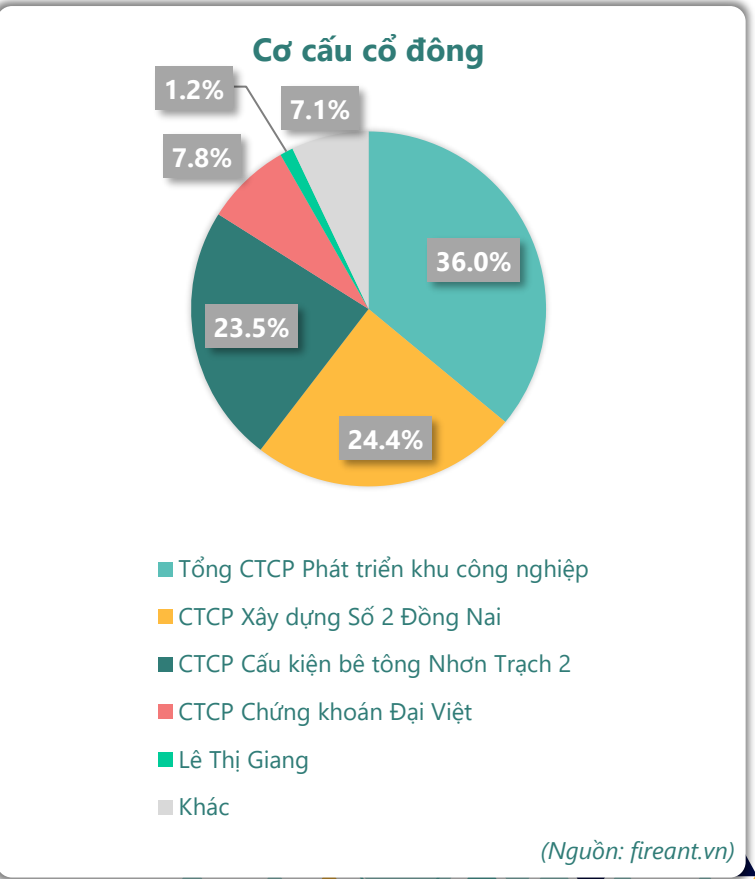
ROE (TTM) Q3/25

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	8,600 - 18,900
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	112
Số lượng CPLH (CP)	12,834,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	225
Sở hữu nước ngoài	0.3%
Beta	(0.52)
EPS	-1,895
P/E	-4.6

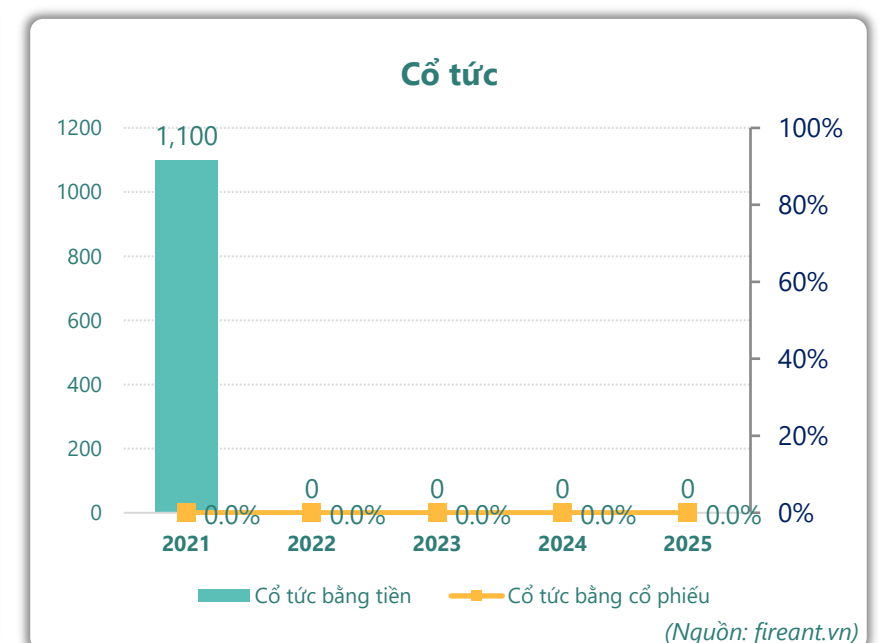
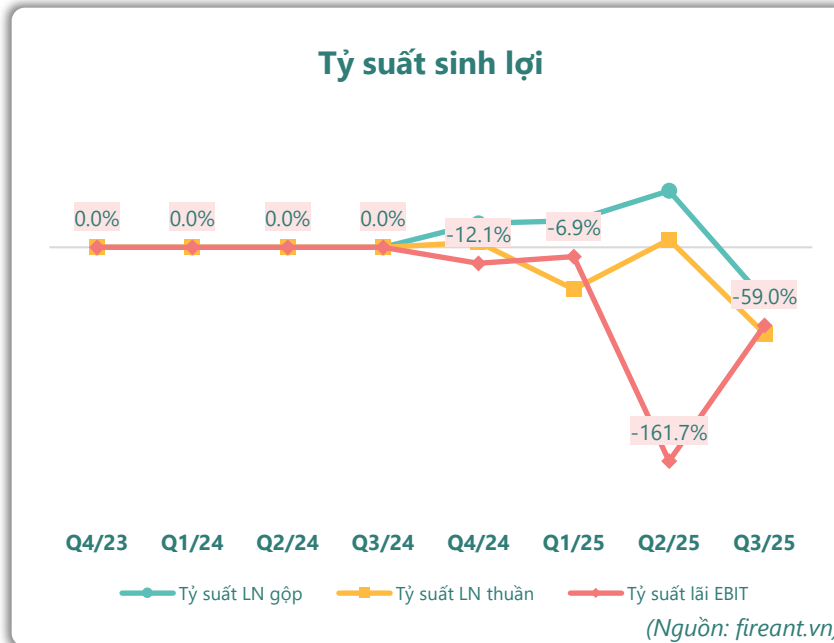
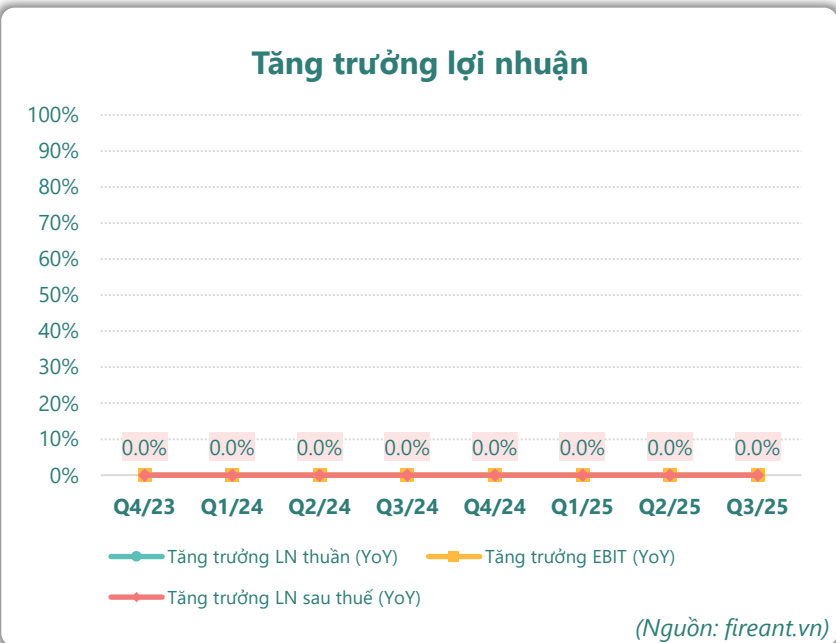
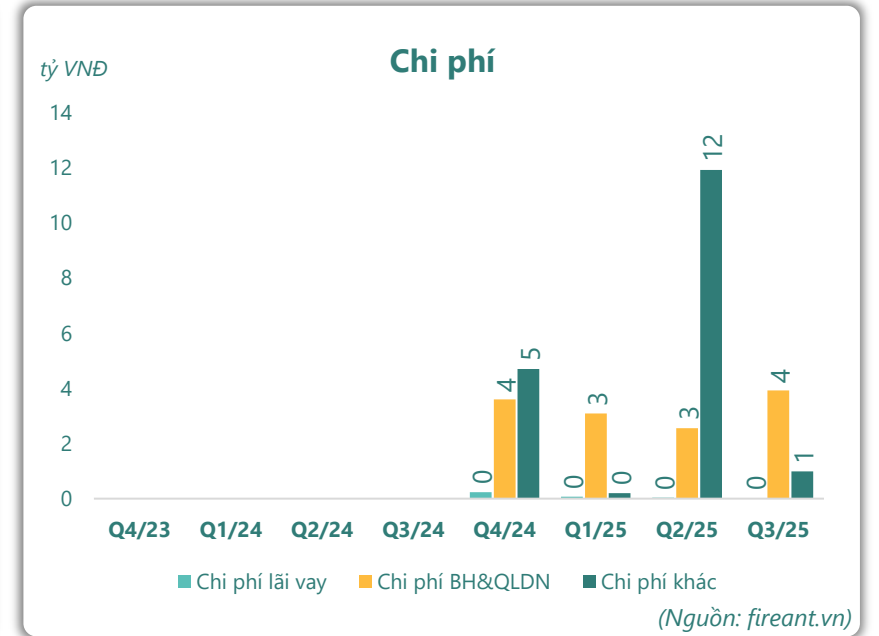
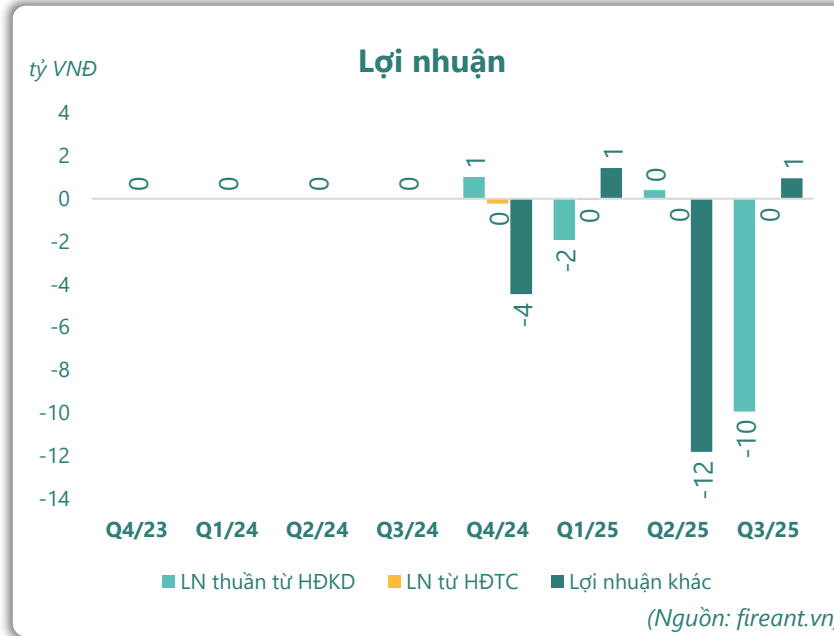
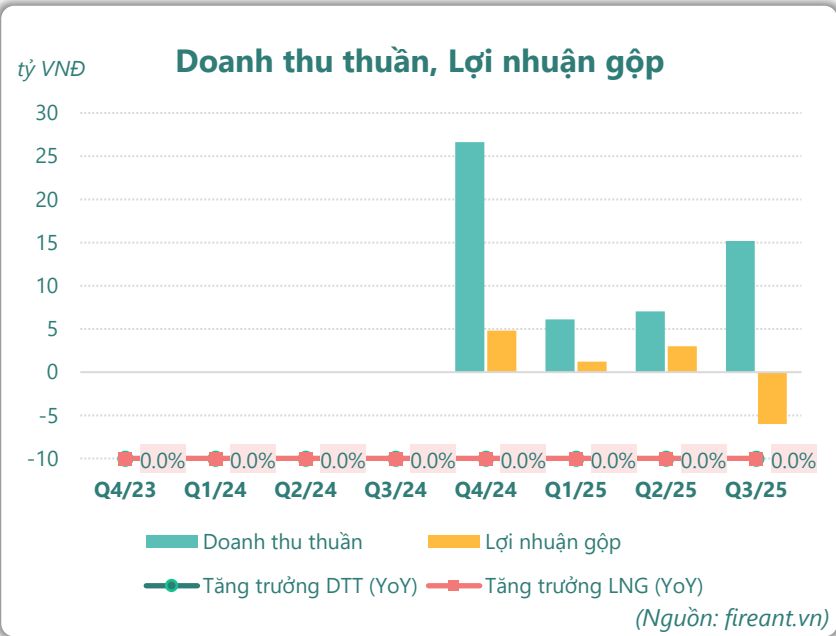
DT thuần 9T 2025
28.3
tỷ VNĐ

LN thuần 9T 2025
-11.5
tỷ VNĐ

LN sau thuế 9T 2025
-20.9
tỷ VNĐ



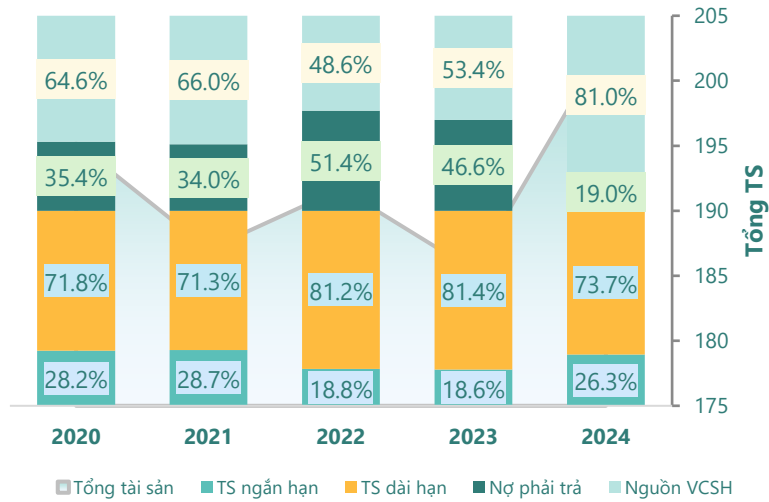
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

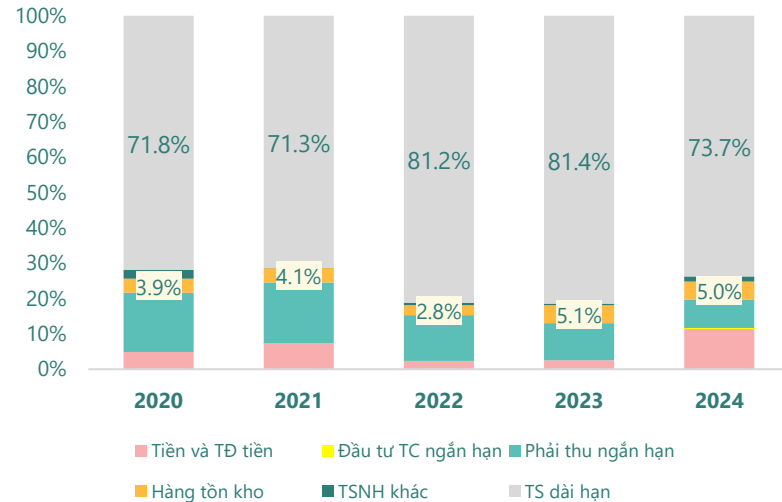
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

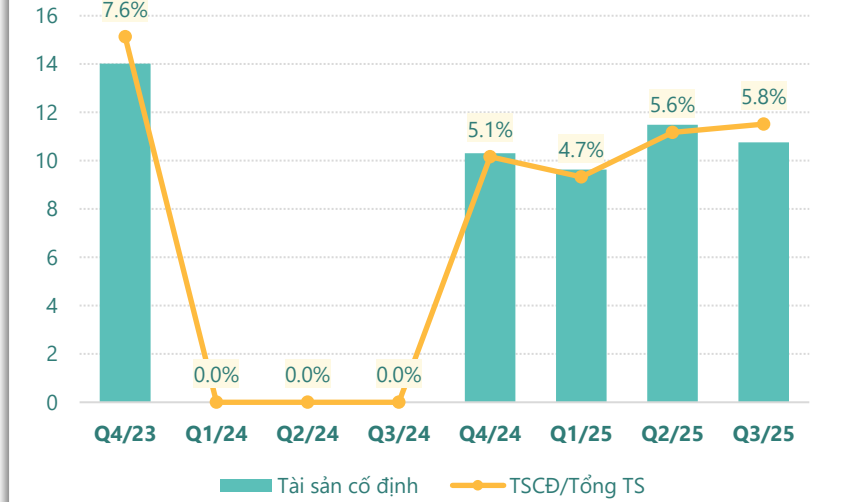
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

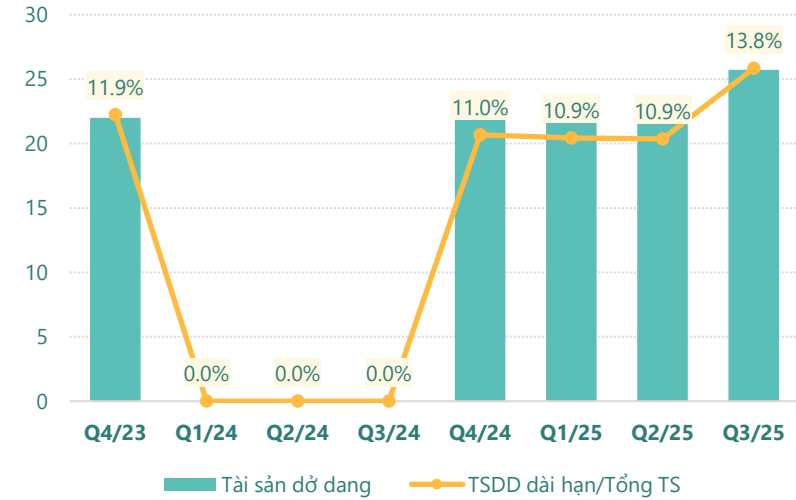
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

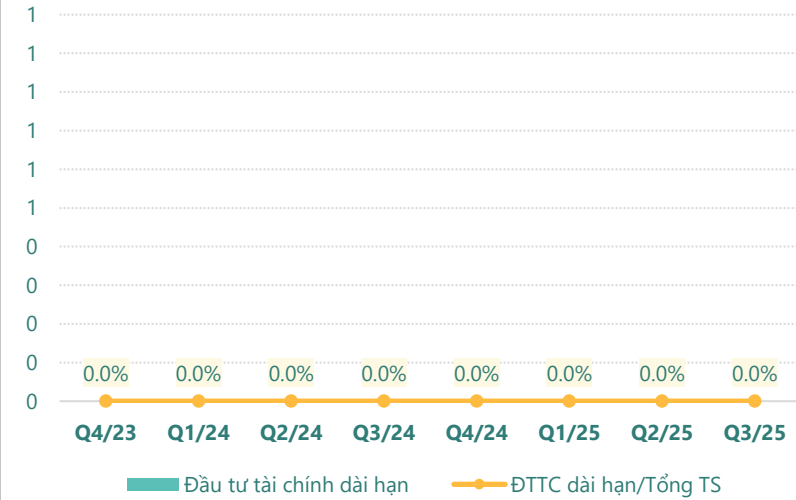
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

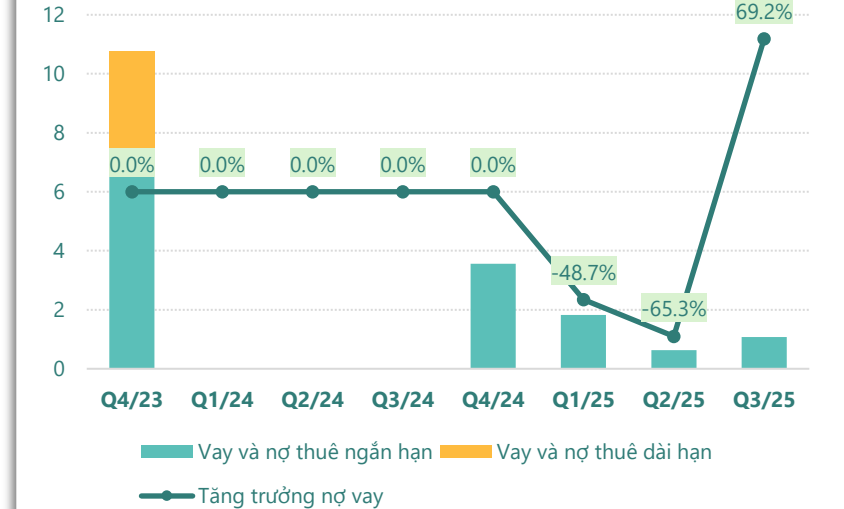
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

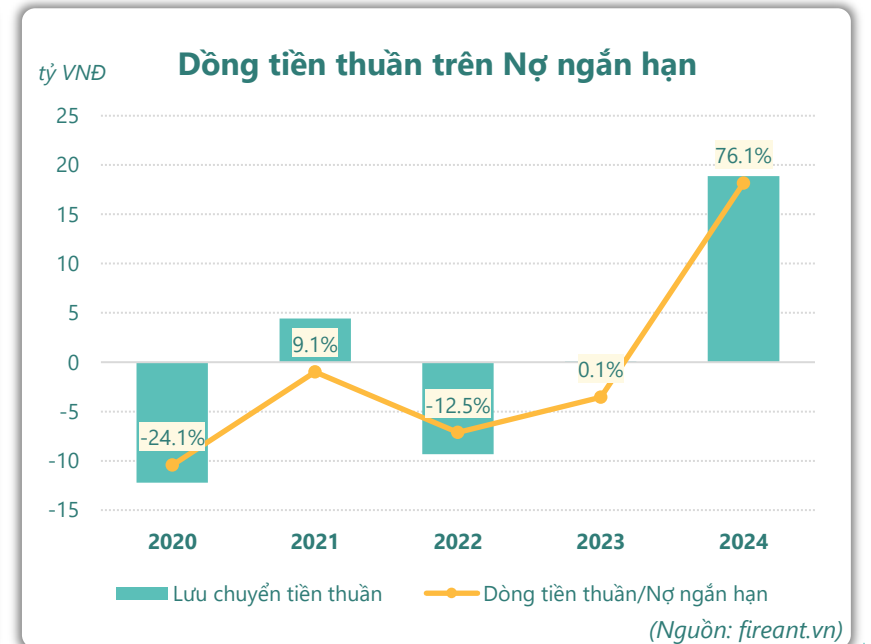
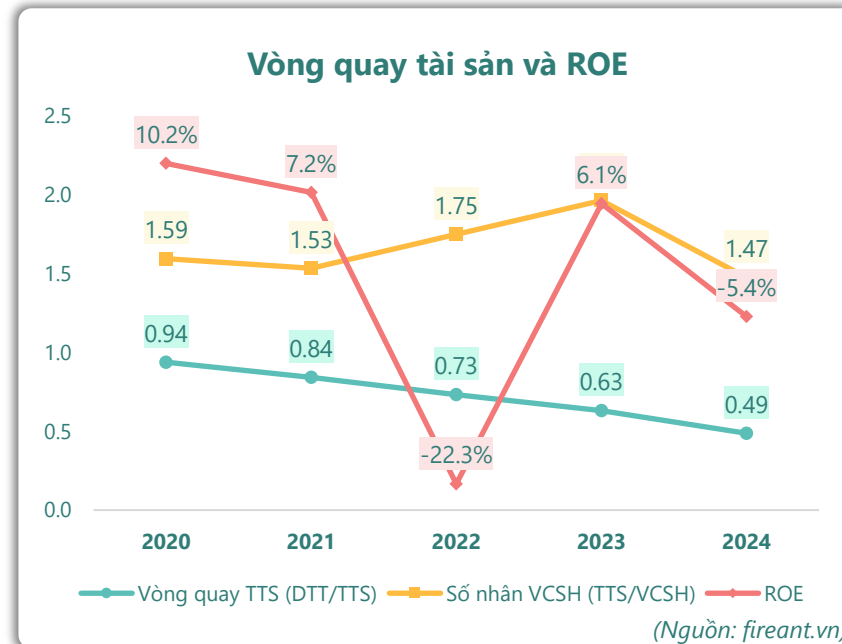
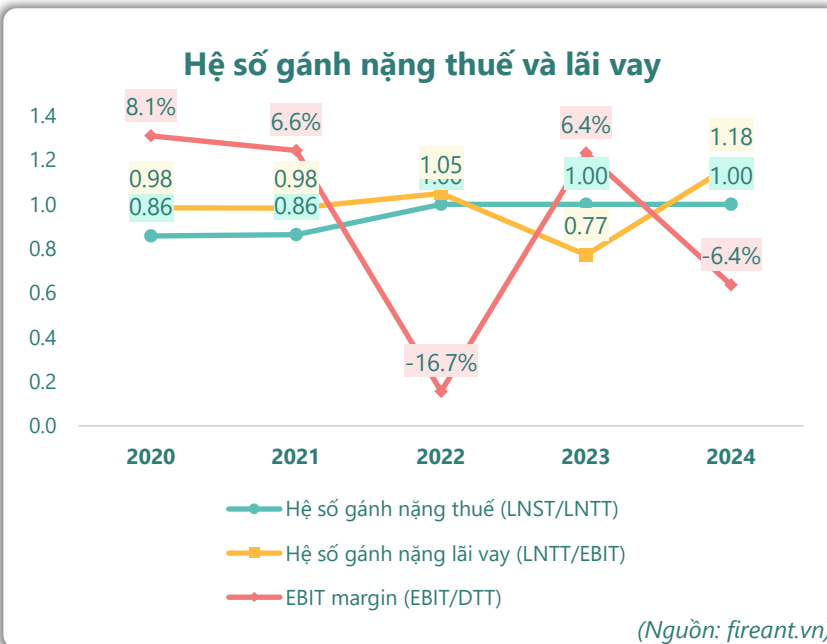
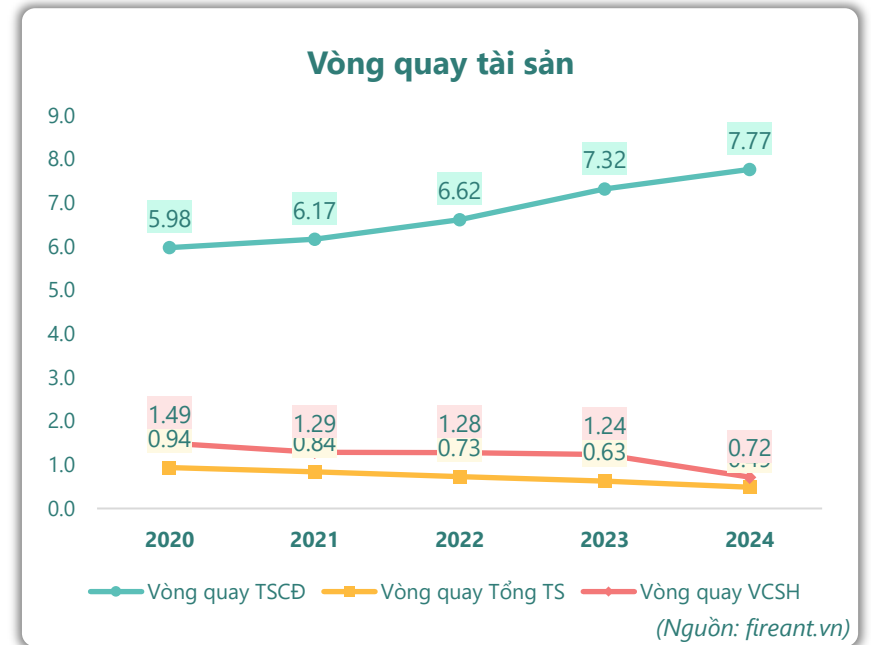
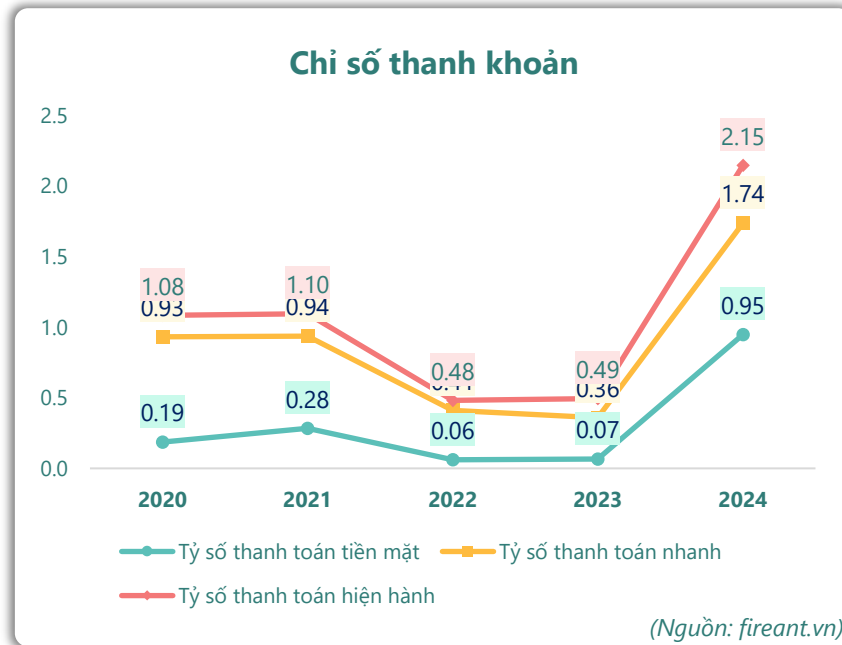
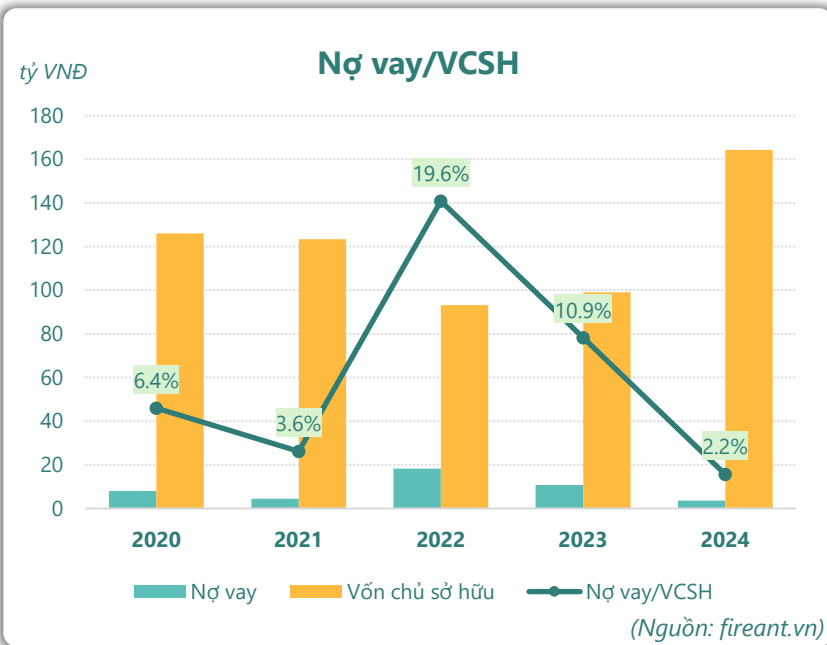
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	15.2			28.3		
Giá vốn hàng bán	21.2			30.1		
Lợi nhuận gộp	-5.99			-1.76		
Doanh thu HĐTC	0.00			0.02		
Chi phí TC	0.02			0.13		
Chi phí lãi vay	0.02			0.13		
LN trong công ty LKLD	0			0		
Chi phí bán hàng	0.08			0.21		
Chi phí QLDN	3.85			9.36		
LN thuần từ HĐKD	-9.93			-11.5		
Lợi nhuận khác	0.96			-9.43		
LN trước thuế	-8.97			-20.9		
Lợi nhuận sau thuế	-8.97			-20.9		
LNST của CĐ cty mẹ	-8.97			-20.9		

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0	0	0	-7.73	-11.8	-0.12
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	0	0	0.01	-0.02	0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	-1.74	-1.83	0
Tiền đầu kỳ	0	0	0	23.5	14.1	0.39
Lưu chuyển tiền thuần	0	0	0	-9.46	-13.7	-0.12
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0	0	0	14.1	0.39	0.27

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	187	203	-7.9%
Tài sản ngắn hạn	29.7	53.3	-44.2%
Tiền và tương đương tiền	0.27	23.5	-98.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.21	0.20	2.9%
Phải thu ngắn hạn	13.5	16.4	-17.6%
Hàng tồn kho	13.1	10.2	29.1%
Tài sản ngắn hạn khác	2.61	3.01	-13.3%
Tài sản dài hạn	157	150	5.0%
Phải thu dài hạn	15.5	13.2	17.3%
Tài sản cố định	10.8	10.3	4.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	25.7	22.4	15.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	105	104	1.3%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	43.3	38.5	12.5%
Nợ ngắn hạn	29.0	24.8	16.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1.07	3.56	-69.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	4.23	6.83	-38.1%
Nợ dài hạn	14.3	13.7	4.5%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	143	164	-12.7%
Vốn chủ sở hữu	143	164	-12.7%
Vốn điều lệ	128	128	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

